

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 190 khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 190 khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà P có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Thành Ph chung sống với nhau từ năm 1986, đến tháng 9/1996 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau, ông Ph thường xuyên ăn nhậu say xỉn về nhà đánh đập, chửi mắng bà. Thậm chí ông Ph còn đập phá đồ đạc trong nhà. Nhiều lần như vậy mà ông Ph vẫn không sửa đổi. Bà và ông Ph đã ly thân từ năm 2019. Hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này do bà đã hết tình cảm với ông Ph. Do đó, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông Ph có 01 con chung là Nguyễn Hồng Phương N, sinh năm 2002 đã thành niên, tự lao động sinh sống. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thành Ph đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà P và ông Ph tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre vào tháng 9/1996. Bà P cho rằng cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Ph thường xuyên ăn nhậu say xỉn về nhà đánh đập, chửi mắng bà. Thậm chí ông Ph còn đập phá đồ đạc trong nhà. Nhiều lần như vậy mà ông Ph vẫn không sửa đổi nên bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa và xin được ly hôn. Đối với ông Ph, Tòa án đã tổng đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông Ph vẫn vắng mặt. Qua đó, thể hiện ông Ph không có thiện chí và không mong muốn được đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà P. Đồng thời, bà P đã khẳng định hiện tại giữa bà và ông Ph mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông Ph đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: Bà P khai giữa bà và ông Ph có 01 con chung là Nguyễn Hồng Phương N, sinh năm 2002 đã thành niên, tự lao động sinh sống. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng P. Bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Thành Ph.

Về con chung: Giữa bà P và ông Ph có 01 con chung là Nguyễn Hồng Phương N, sinh năm 2002 đã thành niên, tự lao động sinh sống. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002541 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà P đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND thị trấn G,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm

